

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ HALAL

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Hiện nay, số lượng tín đồ Hồi giáo có trên 90.000 người với 90 cơ sở thờ tự, trong đó Chăm Islam khoảng trên 37.000 người, Chăm Bà-ni khoảng 55.000 người, trong đó đông nhất tại tỉnh An Giang, TP.Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh và tỉnh Khánh Hòa. Đã có 04 tổ chức Hồi giáo (Islam) được Nhà nước công nhận. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chỉ có khoảng 20 mặt hàng xuất khẩu ở thị trường Halal.

Năm 2023, kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam với 10 đối tác thương mại là thành viên Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) đạt 45,7 tỷ USD¹, trong đó một số thị trường Hồi giáo ở khu vực Trung Đông – Châu Phi (TĐCP) ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao như Bờ Biển Ngà (29%), Nigeria (23,6%), Thổ Nhĩ Kỳ (12%), UAE (5.9%)...; Việt Nam và một số quốc gia Hồi giáo đặt mục tiêu tăng kim ngạch thương mại song phương thời gian tới (Việt Nam – Malaysia phấn đấu tăng kim ngạch thương mại lên 18 tỷ USD, Việt Nam – Indonesia lên 18 tỷ USD vào năm 2028, Việt Nam – UAE lên 10 tỷ USD, Việt Nam – Thổ Nhĩ Kỳ lên 5 tỷ USD và Việt Nam – Iran lên 2 tỷ USD...); Việt Nam đang đàm phán để sớm ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện (CEPA) với UAE trong năm 2024 và nghiên cứu khả năng đàm phán FTA với một số nước Hồi giáo/đông tín đồ Hồi giáo như Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ...

Việt Nam là một nước xuất khẩu nông sản, thủy sản lớn trên thế giới và là mắt xích quan trọng trong nhiều liên kết hàng đầu khu vực như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định RCEP và các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, đáp ứng yêu cầu khắt khe của các thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản... nên có nhiều tiềm năng xuất khẩu sang thị trường thực phẩm Halal toàn cầu, là nền tảng để tiếp cận thị trường Halal. Theo báo cáo của Bộ Ngoại

¹ Theo thống kê sơ bộ của Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương.

giao thì đến nay có hơn 58,7% các tỉnh, thành phố đã bước đầu xuất khẩu thực phẩm sang thị trường Halal toàn cầu, trong khi gần 41,3% các địa phương của Việt Nam chưa có sản phẩm có chứng nhận Halal; có khoảng gần 1.000 doanh nghiệp có chứng nhận Halal, tập trung nhiều ở miền Nam. Tuy nhiên, con số này còn khiêm tốn so với tiềm năng thực tế; doanh nghiệp Việt Nam gặp phải cạnh tranh gay gắt từ doanh nghiệp các nước có cơ cấu xuất khẩu tương đồng và đã quen với thị trường Halal như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan...; tiêu chuẩn và chứng nhận Halal rất đa dạng, chưa có tiêu chuẩn chung toàn cầu (hiện nay mới chỉ có Hướng dẫn chung của Codex về ghi nhãn Halal, Hướng dẫn chung của ASEAN về chế biến thực phẩm Halal), với nhiều đòi hỏi khắt khe nên chi phí doanh nghiệp bỏ ra tương đối lớn so với xuất khẩu sản phẩm thông thường.

Ngành du lịch đang từng nhip bước vào giai đoạn phục hồi và phát triển mới, tiến tới mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị. Hoạt động thu hút khách quốc tế ghi nhận sự sôi động trở lại trên cả nước, trong đó có khách du lịch Hồi giáo. Khách Hồi giáo đến Việt Nam chủ yếu từ các nguồn thị trường chính là Đông Nam Á, Nam Á và có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây. Theo thống kê năm 2023, Việt Nam đón hơn 470 nghìn lượt khách từ Malaysia (1 trong 10 thị trường khách đến lớn nhất), hơn 105 nghìn lượt khách từ Indonexia, hơn 145 nghìn lượt khách từ Ấn Độ. Du lịch Việt Nam có những thuận lợi về tài nguyên du lịch phong phú, khí hậu phù hợp và sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc biệt là du lịch biển, nghỉ dưỡng cao cấp, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch đến từ các nước Hồi giáo.

Khách du lịch Hồi giáo được xác định là thị trường du lịch tiềm năng, nằm trong nhóm thị trường mục tiêu cần được đẩy mạnh trong giai đoạn tới của ngành du lịch Việt Nam. Theo ước tính, dân số Hồi giáo, với khoảng 1,94 tỷ người vào năm 2022, chiếm gần 1/4 dân số thế giới. Dân số Hồi giáo sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức trung bình 1,5%/năm, cao gấp đôi so với dân số phi Hồi giáo (0,7%/năm) và dự kiến sẽ đạt khoảng 2,8 tỷ người vào năm 2050. Riêng trong khu vực Đông Nam Á hiện nay có gần 300 triệu tín đồ Hồi giáo, là một thị trường quan trọng, có nhiều tiềm năng nhất để phát triển du lịch Halal. Bên cạnh đó, thị trường khách Hồi giáo tại khu vực Nam Á, Trung Đông và một số nước khác như Mỹ, Úc,... với các thuận lợi về đường bay cũng là những thị trường vô cùng tiềm năng với du lịch Việt Nam.

Người Hồi giáo rất thích đi du lịch và thuộc nhóm có chi tiêu cho du lịch ở mức cao trên thế giới. Theo báo cáo chỉ số Hồi giáo toàn cầu, những năm gần đây số người theo đạo Hồi đi du lịch trên thế giới tăng khá nhanh. Nếu năm 2013 khoảng 108 triệu lượt khách Hồi giáo đi du lịch thì đến năm 2019 đã đạt 160 triệu lượt. Sau 2 năm đại dịch, từ năm 2021 tốc độ phục hồi thị trường khách Hồi giáo dần ổn định. Năm 2023, có khoảng 140 triệu lượt khách Hồi giáo đi du lịch khắp nơi trên thế giới. Đến năm 2028, ước khoảng 230 triệu lượt khách du lịch Hồi giáo sẽ đi du lịch ra nước ngoài, chi tiêu sẽ lên tới 225 tỉ USD. Một số thị trường khách Hồi giáo ở phân khúc cao cấp như các nước Trung Đông thường có nhu cầu đi du lịch vào khoảng tháng 7-8 trong năm, địa điểm yêu thích là các bãi biển đẹp, khí

hậu ôn hòa.

Ngành du lịch Việt Nam trong những năm gần đây cũng đã có những chính sách hướng đến các thị trường khách với các tôn giáo khác nhau, khuyến khích tất cả các loại hình phát triển theo xu hướng bền vững, an toàn, hiệu quả. Năm 2020, tiêu chuẩn quốc gia: "TCVN 13186:2020 Du lịch MICE - Yêu cầu về địa điểm tổ chức MICE đối với khách sạn" (MICE Tourism – Mice Venue requirements for hotel) đã được Tổng cục Du lịch (nay là Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam) soạn thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố với các tiêu chí yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật, trong đó có yêu cầu “phòng thực hiện nghi lễ tôn giáo”, nơi có thể phục vụ khách theo đạo Hồi. Việt Nam cũng đã ban hành 04 tiêu chuẩn quốc gia TCVN liên quan đến du lịch Halal, chủ yếu trên lĩnh vực thực phẩm, nông nghiệp, đây là những căn cứ để cung cấp một số dịch vụ phục vụ ngành du lịch (đặc biệt là dịch vụ ăn uống). Bên cạnh đó, triển khai Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam” và “Phát triển quan hệ giữa Việt Nam và các nước Trung Đông – châu Phi giai đoạn 2016-2025” của Bộ Ngoại giao, Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam đang nghiên cứu, tổ chức triển khai các hoạt động xúc tiến vào thị trường Hồi giáo. Chính quyền các địa phương cũng đang từng bước tiếp cận với thị trường khách du lịch Halal thông qua các hội nghị, hội thảo tìm kiếm giải pháp, các hoạt động quảng bá, xúc tiến.

Tại một số điểm đến du lịch chính của Việt Nam như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương tập trung cộng đồng Hồi giáo cũng đã có một số doanh nghiệp quan tâm và đầu tư cơ sở vật chất, dịch vụ phục vụ du khách theo đạo Hồi. Một số khách sạn đã bố trí các phòng cầu nguyện, thực đơn Halal cho du khách.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

a) Mục đích đánh giá

- Đối với đánh giá thủ tục hành chính:

+ Phát hiện và loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, rườm rà, chồng chéo, gây khó khăn, tốn kém về thời gian và chi phí cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Halal.

+ Đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện của các quy định về thủ tục hành chính.

+ Góp phần kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh Halal.

- Đối với việc phân cấp, phân quyền

+ Thiết lập cơ chế quản lý nhà nước về Halal hiệu quả, phân định rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn giữa các cơ quan trung ương và chính quyền địa phương.

+ Phát huy tính chủ động, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm giải trình của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Halal.

+ Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị, tránh tình

trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

- Đối với bảo đảm bình đẳng giới

+ Ngăn chặn việc ban hành các quy định có nội dung phân biệt đối xử hoặc có khả năng tạo ra định kiến, bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các hoạt động liên quan đến Halal.

+ Đảm bảo rằng các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được thụ hưởng một cách công bằng, không phân biệt giới tính.

+ Xem xét khả năng lồng ghép các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong các chính sách phát triển ngành Halal (ví dụ: hỗ trợ phụ nữ tham gia sản xuất, kinh doanh Halal).

- Đối với thực hiện chính sách dân tộc

+ Đảm bảo Dự thảo Nghị định phù hợp và góp phần thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Xem xét và tôn trọng các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng đặc thù của đồng bào dân tộc thiểu số có liên quan đến Halal.

+ Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào dân tộc thiểu số trong các hoạt động kinh tế và đời sống liên quan đến Halal, có thể thông qua các chính sách hỗ trợ phù hợp.

b) Yêu cầu đánh giá

- Đối với thủ tục hành chính:

+ Tiến hành rà soát, thống kê đầy đủ tất cả các thủ tục hành chính được quy định trực tiếp hoặc gián tiếp trong Dự thảo.

+ Phân tích, đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý, tính công khai, minh bạch và chi phí tuân thủ của từng thủ tục.

+ So sánh với các quy định pháp luật hiện hành về kiểm soát thủ tục hành chính để phát hiện sự không phù hợp (nếu có).

+ Đề xuất giải pháp cụ thể để đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục không cần thiết, hoặc cải thiện quy trình thực hiện thủ tục.

- Đối với phân quyền, phân cấp:

+ Phân tích kỹ lưỡng các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND cấp tỉnh được giao trong Dự thảo.

+ Đối chiếu với quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước và phân cấp quản lý để đánh giá sự phù hợp.

+ Xem xét năng lực thực tế của các cấp, các ngành được phân cấp để đảm bảo tính khả thi khi triển khai.

+ Đề xuất phương án phân công, phân cấp tối ưu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho đối tượng thi hành.

- Đối với bảo đảm bình đẳng giới:

- + Tiến hành phân tích giới trong Dự thảo Nghị định, nhận diện các quy định có khả năng tác động khác nhau đến nam giới và nữ giới.
- + Kiểm tra ngôn ngữ sử dụng trong Dự thảo để loại bỏ các yếu tố mang tính định kiến giới.
- + Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.
- + Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định để đảm bảo hoặc thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực Halal.

- Đối với thực hiện chính sách dân tộc:

- + Rà soát các quy định trong Dự thảo để đánh giá tác động (tích cực hoặc tiêu cực) của chúng đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là những cộng đồng có liên quan đến hoạt động Halal.
- + Đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách hỗ trợ với đặc thù về văn hóa, kinh tế, xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số.
- + Xem xét việc tuân thủ các nguyên tắc về tôn trọng quyền con người, quyền công dân và các quy định về công tác dân tộc trong pháp luật Việt Nam.
- + Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo Dự thảo Nghị định góp phần hiệu quả vào việc thực hiện chính sách dân tộc và phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số liên quan đến Halal.

việc đánh giá các khía cạnh này trong Dự thảo Nghị định Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal nhằm hoàn thiện văn bản, đảm bảo tính pháp lý cao nhất, khả thi trong thực tiễn, thúc đẩy sự phát triển của ngành Halal theo đúng định hướng, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, bao gồm cả việc bảo đảm bình đẳng giới và thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định quy định một nhóm thủ tục hành chính (TTHC) trọng tâm là Đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal, bao gồm các thủ tục cấp mới, cấp bổ sung/sửa đổi và cấp lại Giấy chứng nhận. Về bản chất, đây không phải là một thủ tục hoàn toàn mới mà là việc quy định chi tiết các điều kiện đặc thù cho lĩnh vực Halal, trên cơ sở kế thừa khung pháp lý hiện hành về kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Việc thiết lập thủ tục hành chính này là hết sức cần thiết trong bối cảnh thị trường Halal ngày càng phát triển và đòi hỏi sự tin cậy cao. Quy định này giúp Nhà nước quản lý hiệu quả chất lượng và năng lực của các đơn vị chứng nhận, đảm bảo tính minh bạch, uy tín cho chứng nhận Halal Việt Nam, từ đó bảo vệ người tiêu dùng và tạo thuận lợi cho việc thừa nhận quốc tế, thúc đẩy xuất khẩu. Tính hợp lý của thủ tục cũng được thể hiện rõ nét qua việc đưa ra các điều kiện

đặc thù phản ánh đúng yêu cầu cốt lõi của Halal, như tổ chức chứng nhận phải đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13888:2023 và có ít nhất 02 chuyên gia đánh giá là người Hồi giáo với các tiêu chuẩn năng lực cụ thể. Thành phần hồ sơ cho từng trường hợp được quy định rõ ràng, phù hợp và không gây khó khăn không cần thiết. Trình tự thủ tục được thực hiện minh bạch qua Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ, với thời gian giải quyết được ấn định rõ ràng, đảm bảo tính tiên liệu cho tổ chức.

Xét về tính hợp pháp, các quy định về thủ tục hành chính trong Dự thảo hoàn toàn có cơ sở vững chắc, được xây dựng dựa trên các luật chuyên ngành như Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, cũng như các Nghị định liên quan. Việc giao thẩm quyền cho Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý lĩnh vực này là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Về chi phí tuân thủ, các tổ chức muốn tham gia vào lĩnh vực chứng nhận Halal sẽ cần đầu tư cho việc chuẩn bị hồ sơ, xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn, tuyển dụng và đào tạo nhân sự đáp ứng yêu cầu (đặc biệt là chuyên gia Hồi giáo). Dự thảo cũng đã tính đến việc này khi đưa vào các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhằm giảm bớt phần nào gánh nặng chi phí.

2. Việc phân quyền, phân cấp

Các thủ tục hành chính về đăng ký hoạt động chứng nhận Halal khi thực hiện phân cấp có những thuận lợi và khó khăn, cụ thể như sau:

a) Thuận lợi

Việc phân cấp giúp chính quyền địa phương chủ động hơn trong việc triển khai các quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, tiềm năng và đặc thù riêng. Địa phương có thể lồng ghép mục tiêu phát triển ngành Halal vào kế hoạch chung một cách hiệu quả nhất.

Chính quyền địa phương là cấp gần dân và doanh nghiệp nhất, do đó việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm sẽ nhanh chóng, kịp thời và sát với thực tế hơn.

Khi các thủ tục được thực hiện tại địa phương, doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được thời gian và chi phí đi lại, giao dịch. Địa phương cũng có thể đưa ra các cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư phù hợp để thúc đẩy ngành Halal phát triển.

Việc phân cấp giúp các Bộ, ngành ở trung ương tập trung vào các nhiệm vụ mang tính chiến lược như xây dựng chính sách, đàm phán quốc tế và quản lý vĩ mô, thay vì phải xử lý các vụ việc cụ thể.

b) Khó khăn

Năng lực của cán bộ, cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính ở các tỉnh, thành phố có sự chênh lệch lớn. Điều này có thể dẫn đến việc áp dụng và thực thi pháp luật không thống nhất, nơi làm tốt, nơi làm chưa tốt.

Nếu thiếu sự hướng dẫn, kiểm tra và giám sát chặt chẽ từ trung ương, mỗi địa phương có thể diễn giải và áp dụng quy định theo một cách khác nhau, gây

khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động trên nhiều địa bàn và làm mất đi tính thống nhất của chính sách.

Các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực mới và đặc thù như Halal đòi hỏi cán bộ phải có kiến thức chuyên sâu. Việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực ở 34 tỉnh/thành phố là một thách thức không nhỏ.

Việc phân cấp có thể tạo ra rào cản trong sự phối hợp giữa các địa phương hoặc giữa địa phương với các cơ quan trung ương, đặc biệt trong việc xử lý các vấn đề phức tạp, liên quan đến nhiều tỉnh hoặc có yếu tố quốc tế

Dự thảo Nghị định quy định thủ tục đăng ký hoạt động chứng nhận Halal được thực hiện tập trung tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Hiện nay, việc chưa phân cấp thủ tục này cho địa phương là hợp lý nhằm đảm bảo tính thống nhất, chất lượng đồng bộ trên cả nước do đây là lĩnh vực mới, đòi hỏi chuyên môn sâu và nguồn lực chuyên gia đặc thù.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Nghị định đã thể hiện rõ định hướng thúc đẩy khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong ngành Halal, cụ thể như sau:

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo: Nghị định khuyến khích các tổ chức, cá nhân "thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến" để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Halal Việt Nam.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia: Một trong những chính sách hỗ trợ quan trọng là việc xây dựng Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia, được tích hợp đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Đây là một bước tiến quan trọng trong chuyển đổi số, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin thị trường, pháp lý và kỹ thuật.

- Ứng dụng công nghệ trong thủ tục hành chính: Việc quy định nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận Halal được thực hiện qua Cổng dịch vụ công Quốc gia là một giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ, giúp đơn giản hóa thủ tục, tăng tính minh bạch và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định tập trung vào các khía cạnh kỹ thuật, quản lý chất lượng, tiêu chuẩn và phát triển kinh tế liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal. Nội dung của Dự thảo không chứa các quy định mang tính phân biệt đối xử hoặc có khả năng tạo ra sự bất bình đẳng giữa nam và nữ. Các quy định về đối tượng áp dụng (tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp) và các chính sách hỗ trợ được áp dụng chung cho tất cả các chủ thể tham gia, không phân biệt giới tính. Do đó, Dự thảo Nghị định bảo đảm tính bình đẳng giới trong phạm vi điều chỉnh của mình.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị định không có các quy định riêng biệt hoặc chính sách đặc thù trực tiếp đề cập đến các dân tộc thiểu số hoặc việc thực hiện chính sách dân tộc một cách tổng thể. Tuy nhiên, trong bối cảnh Halal có liên quan mật thiết đến cộng đồng người Hồi giáo, đặc biệt là một bộ phận người Chăm ở Việt Nam, các quy định và chính sách của Dự thảo có ảnh hưởng gián tiếp đến đời sống kinh tế và hoạt động sản xuất, kinh doanh của cộng đồng này.

Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác: Các chính sách hỗ trợ tại Chương V, đặc biệt là hỗ trợ cho "hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác", sẽ tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là cộng đồng người Chăm theo đạo Hồi, tham gia vào chuỗi sản xuất và kinh doanh sản phẩm Halal, góp phần cải thiện đời sống và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Dự thảo đã quy định rõ vai trò và trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong việc tham gia ý kiến vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn, phối hợp cung cấp thông tin về các khía cạnh văn hóa, tín ngưỡng liên quan. Điều này thể hiện sự tôn trọng và ghi nhận các yếu tố đặc thù của cộng đồng người Hồi giáo, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong các hoạt động liên quan đến Halal.

Trên đây là Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal của Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định